

**CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN
HIGH-TECH MATERIALS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH-TECH MATERIALS

Mã chứng khoán: MSR

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6256 3862 Fax: (028) 3827 4115

Website: www.masangroup.com/masanresources

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Nguyên Hải

Địa chỉ: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): (028) 6256 3862 Fax: (028) 3827 4115

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials công bố Báo cáo tài chính bán niên năm 2020 đã được soát xét.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2020 tại đường dẫn https://masangroup.com/masanresources/investor-center/financial-information?lang_ui=vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin



PHẠM NGUYỄN HẢI



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)
và các công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0309966889

ngày 27 tháng 4 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 6 tháng 8 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 41122000131

ngày 2 tháng 8 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San” có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le

Chủ tịch

Ông Nguyễn Thiệu Nam

Phó Chủ tịch thứ nhất

Ông Nguyễn Văn Thắng

Thành viên

Ông Craig Richard Bradshaw

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw

Tổng Giám đốc

Ông Stuart James Wells

Giám đốc Tài chính

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Báo cáo tài chính đã thuyết minh đầy đủ các vấn đề liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-02-00097-20-1



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2020

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2019-007-1

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		8.809.609.265	7.581.595.985
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	10	647.071.921	1.723.204.606
Tiền	111		641.671.921	941.446.956
Các khoản tương đương tiền	112		5.400.000	781.757.650
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	-	5.900.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.900.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.034.573.229	1.735.574.636
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12	1.010.213.495	280.413.823
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		128.786.119	204.604.439
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	13	599.479.452	1.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	14	296.094.163	250.556.374
Hàng tồn kho	140	15	4.769.781.312	3.139.024.753
Hàng tồn kho	141		5.039.117.348	3.139.024.753
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(269.336.036)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.358.182.803	977.891.990
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		79.365.252	41.186.774
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.222.574.546	936.705.216
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		56.243.005	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		27.421.857.681	22.193.123.896
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.300.092.964	1.303.868.898
Phải thu dài hạn khác	216	14	1.300.092.964	1.303.868.898
Tài sản cố định	220		18.216.060.574	16.568.909.156
Tài sản cố định hữu hình	221	16	17.707.829.595	16.103.772.445
Nguyên giá	222		27.377.018.756	21.906.539.480
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.669.189.161)	(5.802.767.035)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		67.300.000	67.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(67.300.000)	(67.300.000)
Tài sản cố định vô hình	227	17	508.230.979	465.136.711
Nguyên giá	228		1.087.720.359	696.680.717
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(579.489.380)	(231.544.006)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.430.871.136	1.694.487.259
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	18	1.430.871.136	1.694.487.259
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	20.759.114	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		13.359.114	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		7.400.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		6.454.073.893	2.625.858.583
Chi phí trả trước dài hạn	261	19	2.665.885.780	2.625.858.583
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	25(a)	926.013.942	-
Lợi thế thương mại	269		2.862.174.171	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		36.231.466.946	29.774.719.881

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		24.432.386.917	17.304.897.615
Nợ ngắn hạn	310		10.125.868.289	11.219.362.163
Phải trả người bán ngắn hạn	311		920.075.075	324.870.571
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	1.090.317.212	1.105.603.346
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	302.564.317	199.721.483
Phải trả người lao động	314		6.565.139	6.220
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	740.601.348	704.901.206
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	319.945.602	1.126.975.596
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	24(a)	6.641.383.301	7.757.283.741
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		104.416.295	-
Nợ dài hạn	330		14.306.518.628	6.085.535.452
Phải trả dài hạn khác	337	23	458.983	-
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	24(b)	7.153.205.577	4.969.653.657
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	25(a)	586.372.147	586.978.688
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	6.566.481.921	528.903.107
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.799.080.029	12.469.822.266
Vốn chủ sở hữu	410	27	11.799.080.029	12.469.822.266
Vốn cổ phần	411	28	9.892.398.780	9.892.398.780
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		9.892.398.780	9.892.398.780
Thặng dư vốn cổ phần	412	28	145.709.384	145.709.384
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(295.683.347)	(295.683.347)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(225.970.714)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.337.986.042	2.727.397.449
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		2.727.397.449	2.375.003.634
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(389.411.407)	352.393.815
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(55.360.116)	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		36.231.466.946	29.774.719.881

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Mai
 Kế toán trưởng

Người kiểm tra:

Stuart James Wells
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Crang Richard Bradshaw
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	2.571.512.239	2.690.013.281
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.269.922	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.570.242.317	2.690.013.281
Giá vốn hàng bán	11		2.484.509.575	1.978.876.729
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		85.732.742	711.136.552
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	508.554.779	38.731.931
Chi phí tài chính	22	32	769.704.422	639.758.071
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(232.098)	-
Chi phí bán hàng	25		76.978.255	49.070.508
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		77.384.369	50.714.349
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(330.011.623)	10.325.555
Thu nhập khác	31		4.533.560	1.088.745
Chi phí khác	32		22.771.219	11.882.093
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(18.237.659)	(10.793.348)
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(348.249.282)	(467.793)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	46.726.962	11.725.894
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	33	(2.328.986)	(13.746.564)
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		(392.647.258)	1.552.877

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		(392.647.258)	1.552.877
Lợi nhuận thuần phân bổ cho:				
Cổ đông của Công ty	61		(389.411.407)	1.552.877
Cổ đông không kiểm soát	62		(3.235.851)	-
			VND	VND
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	(394)	2

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:


 Nguyễn Thị Thanh Mai
 Kế toán trưởng

Người kiểm tra:


 Stuart James Wells
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:


 Craig Richard Bradshaw
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ trước thuế	01		(348.249.282)	(467.793)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		608.426.914	610.685.451
Các khoản dự phòng	03		234.630.169	19.249.712
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		4.122.662	(7.404.768)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.446.991)	(5.180.570)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06		613.795.236	564.402.731
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.105.278.708	1.181.284.763
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(146.819.252)	(122.040.650)
Biến động hàng tồn kho	10		(149.608.779)	(1.219.691.661)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(435.384.037)	510.247.883
Biến động chi phí trả trước	12		(27.904.028)	(28.251.456)
			345.562.612	321.548.879
Tiền lãi vay đã trả	14		(618.537.229)	(567.056.813)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(107.699.294)	(39.134.369)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(380.673.911)	(284.642.303)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.082.978.901)	(559.114.759)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		481.818	968.182
Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và tiền chi cho vay các bên khác	23		(831.153.425)	-
Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và tiền thu hồi cho vay các bên khác	24		1.231.321.409	-
Tiền chi mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát	25		-	(8.525.794)
Hợp nhất kinh doanh (đã trừ đi số dư tiền nhận từ hoạt động kinh doanh được mua)	25	9	(1.052.093.519)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		20.552.797	3.848.104
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.713.869.821)	(562.824.267)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

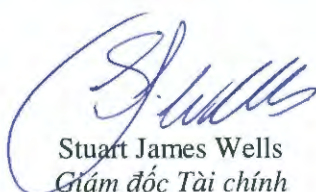
	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay và trái phiếu phát hành	33		7.363.933.719	4.667.449.335
Tiền trả nợ gốc vay và chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	34		(6.344.304.706)	(3.924.816.994)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.019.629.013	742.632.341
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.074.914.719)	(104.834.229)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		1.723.204.606	467.220.260
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(1.217.966)	6.500.642
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	10	647.071.921	368.886.673

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

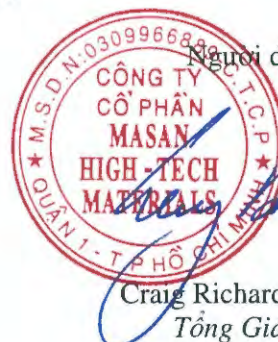
Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:

Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

Các hoạt động chính của các công ty con và công ty liên kết được trình bày như sau:

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty con:
Tên công ty

Địa chỉ

Hoạt động chính

Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại
30/6/2020 1/1/2020

Công ty con trực tiếp

Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	(i)	Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn quản lý	100%	100%
--	-----	-----------------------	----------------	------	------

Công ty con gián tiếp

Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	(i)	Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn quản lý	100%	100%
--	-----	-----------------------	----------------	------	------

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	(i)	Tỉnh Thái Nguyên	Khai thác và chế biến khoáng sản (*)	100%	100%
---	-----	------------------	--------------------------------------	------	------

Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”)	(i)	Tỉnh Thái Nguyên	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%	100%
------------------------------------	-----	------------------	--	------	------

H.C. Starck Holding (Germany) GmbH (“HCS”)	(i)	Goslar, Đức	Tư vấn quản lý	100%	-
--	-----	-------------	----------------	------	---

ChemiLytics Beteiligungs GmbH	(ii)	Goslar, Đức	Tư vấn quản lý	100%	-
-------------------------------	------	-------------	----------------	------	---

H.C. Starck GmbH	(ii)	Goslar, Đức	Tư vấn quản lý	100%	-
------------------	------	-------------	----------------	------	---

Chemische Fabriken Oker und Branschweig AG	(ii)	Goslar, Đức	Sản xuất hóa chất dùng trong sản xuất giấy và phụ gia cho ngành vật liệu hấp thụ	100%	-
--	------	-------------	--	------	---

H.C. Starck Infrastructure GmbH & Co. KG	(ii)	Munich, Đức	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%	-
--	------	-------------	--	------	---

ChemiLytics GmbH & Co. KG	(ii)	Goslar, Đức	Phân tích hóa học và dữ liệu đo lường vật lý	100%	-
---------------------------	------	-------------	--	------	---

H.C. Starck Tungsten GmbH	(ii)	Munich, Đức	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%	-
---------------------------	------	-------------	--	------	---

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
			30/6/2020	1/1/2020
H.C. Starck Nonferrous Metals Trading (Shanghai) Co. Ltd.	(ii) Thượng Hải, Trung Quốc	Kinh doanh và phân phối	100%	-
H.C. Starck Canada Inc.	(ii) Sarnia, Ontario, Canada	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%	-
H.C. Starck Tungsten GK	(ii) Tokyo, Nhật Bản	Kinh doanh và phân phối	100%	-
H.C. Starck Tungsten LLC	(ii) Newton, Mỹ	Kinh doanh và phân phối	100%	-
H.C. Starck Jiangwu Tungsten Specialities (Ganzhou) Co., Ltd.	(ii) Cám Châu, Trung Quốc	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	60%	-

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
			30/6/2020	1/1/2020
<i>Công ty liên kết gián tiếp</i>				
Jiangwu H.C. Starck Tungsten Products Co., Ltd.	(ii) Cám Châu, Trung Quốc	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	30%	-

(i) HCS là công ty con mới mua lại của MTC (xem Thuyết minh 9). MTC là công ty con của NPM. TNTI và NPM là công ty con của MRTN. MRTN là công ty con của Công ty.

(ii) Các đơn vị này là các công ty con và công ty liên kết trực tiếp và gián tiếp của HCS.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Các hoạt động chính của NPM là thăm dò, khai thác và chế biến vonfram, flourit, bismuth và đồng thuộc “Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo” tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để xuất khẩu và bán tại thị trường nội địa. “Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo” được triển khai theo Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000026 có thời hạn đến ngày 2 tháng 2 năm 2034.
- (**) HCS là nhà chế tạo hàng đầu về bột kim loại vonfram kỹ thuật cao và vonfram cacbua (giai đoạn giữa của chuỗi giá trị). HCS có các tổ hợp sản xuất tại Châu Âu, Bắc Mỹ và Trung Quốc, phục vụ khách hàng trên toàn cầu. HCS và các công ty con hoạt động chủ yếu chuyên về phát triển, sản xuất và cung cấp các loại bột chất lượng cao sản xuất dựa trên công nghệ vonfram kim loại và vonfram hợp chất, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại các công ty con.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn có 2.025 nhân viên (1/1/2020: 1.403 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày báo cáo, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.316 tỷ VND (1/1/2020: 3.638 tỷ VND). Hơn nữa, Tập đoàn có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 24). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Tập đoàn có thể có được thêm các nguồn tài chính và tái cơ cấu khoản phải trả chưa thanh toán với các bên liên quan cần thiết để giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Tập đoàn sẽ không thực hiện được như vậy.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn (“Ngàn VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã tiếp nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Nếu việc kế toán ban đầu đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh chưa hoàn thành trước thời điểm cuối kỳ kế toán mà giao dịch hợp nhất kinh doanh diễn ra do giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được hoặc nợ tiềm tàng của bên bị mua hoặc giá phí hợp nhất kinh doanh chỉ được xác định tạm thời, Tập đoàn sẽ kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh theo các giá trị tạm thời đó. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua (giai đoạn sử dụng giá trị tạm thời), Tập đoàn sẽ điều chỉnh hồi tố các giá trị tạm thời đã ghi nhận tại ngày mua.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với các đơn vị này.

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”), được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền bỏ phiếu. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu cho đến ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(vi) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua để có được quyền kiểm soát đơn vị bị mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản, và bán chuyển khoản đối với nợ phải trả, của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND như sau:

- Các tài sản và nợ phải trả, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh tại ngày mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với tài sản) và bán chuyển khoản (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ Lỗ lũy kế và các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được tính toán từ lợi nhuận sau thuế thuần/các biến động đã được quy đổi.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do quy đổi báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Bao thanh toán

Theo tình hình của thị trường và yêu cầu về thanh khoản, Tập đoàn ký kết các thỏa thuận bao thanh toán để chuyển giao khoản phải thu khách hàng. Đối với các giao dịch bao thanh toán, Tập đoàn đánh giá có ghi giảm toàn bộ khoản phải thu hay không dựa trên mức độ chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu.

Nếu Tập đoàn:

- chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu, Tập đoàn sẽ ghi giảm khoản phải thu và ghi nhận riêng rẽ tài sản hoặc nợ phải trả đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ việc chuyển giao khoản phải thu;
- còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu, Tập đoàn sẽ tiếp tục ghi nhận khoản phải thu;
- không chuyển giao cũng như không nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu thì Tập đoàn xác định xem liệu có nắm giữ quyền kiểm soát đối với tài sản không. Nếu Tập đoàn không nắm giữ quyền kiểm soát thì Tập đoàn sẽ ghi giảm khoản phải thu và ghi nhận riêng rẽ tài sản hoặc nợ phải trả đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ việc chuyển giao khoản phải thu. Nếu Tập đoàn nắm giữ quyền kiểm soát thì Tập đoàn sẽ tiếp tục ghi nhận khoản phải thu đến giá trị còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao.

Mức độ còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao là mức độ Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về giá trị của tài sản chuyển giao và được xác định bằng giá trị thấp hơn giữa giá trị ghi sổ của khoản phải thu và số tiền cao nhất mà Tập đoàn phải trả (“số tiền bảo lãnh”).

Khi Tập đoàn tiếp tục ghi nhận tài sản chuyển giao đến giá trị còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao, Tập đoàn đồng thời ghi nhận nghĩa vụ liên quan. Nghĩa vụ liên quan ban đầu được ghi nhận bằng số tiền bảo lãnh cộng với giá trị hợp lý của bảo lãnh. Sau đó, giá trị hợp lý của bảo lãnh được phân bổ dần theo thời gian vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mô, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình ban đầu bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Trường hợp tài sản cố định hữu hình tự xây dựng được hoàn thành và được đưa vào sử dụng nhưng chi phí chưa được quyết toán thì Công ty hạch toán nguyên giá của tài sản cố định hữu hình theo giá tạm tính và nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh sau khi chi phí quyết toán được phê duyệt.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ; và giá trị hợp lý của trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

(ii) Khấu hao

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao theo phương pháp khối lượng sản phẩm xác định bằng ước tính trữ lượng khoáng sản của mỏ. Trữ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Máy móc và thiết bị của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất

Máy móc và thiết bị của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo đơn vị sản phẩm là như sau:

Nhà máy ST	171.865 tấn vonfram
Nhà máy APT	166.990 tấn vonfram

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 25 năm
▪ các tài sản khai thác khoáng sản khác	19 năm

Xây dựng cơ bản được hoàn thành và đưa vào sử dụng trước khi quyết toán chi phí xây dựng thì nguyên giá tài sản được xác định theo nguyên giá tạm tính. Khi chi phí xây dựng tài sản cố định được quyết toán và phê duyệt, Công ty điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị đã quyết toán và không điều chỉnh lại giá trị hao mòn lũy kế. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định bằng giá trị quyết toán đã được phê duyệt trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế được trích đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản chia (÷) cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản cố định theo các quy định hiện hành.

(h) Tài sản cố định thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính là năm (5) năm.

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Đất

Đất gồm có đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Đất được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá gốc của phần mềm máy vi tính bao gồm:

- Phần mềm máy vi tính được mua mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được mua mới được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm;
- Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển phần mềm nếu thỏa mãn các tiêu chí sau:
 - Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc hình thành phần mềm trong giai đoạn phát triển;
 - Tập đoàn dự định hoàn thành phần mềm để sử dụng hoặc để bán có thể được kiểm chứng bằng các thiết kế chương trình, mô hình hoặc các sản phẩm tương tự;
 - Tập đoàn có khả năng triển khai và sử dụng phần mềm sau giai đoạn phát triển;
 - Có đầy đủ nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và con người để hoàn tất giai đoạn phát triển phần mềm;
 - Tập đoàn có thể xác định được các chi phí phát sinh liên quan đến giai đoạn phát triển phần mềm một cách đáng tin cậy.

Phần mềm tự phát triển được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm kể từ khi mỗi cấu phần của phần mềm được hoàn thành.

(iii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203/2013”) có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản của mỏ.

(iv) Chi phí triển khai

Chi phí cho các hoạt động triển khai mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Tập đoàn có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí triển khai được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí triển khai khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh. Chi phí triển khai đã vốn hóa được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 16 năm.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, giá trị của trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí phát triển mỏ liên quan. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước, chi phí bồi thường, tái định cư và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(ii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của năm hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(m) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản. Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cụ thể là:

- Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203”), Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 (“Nghị định 158/2016”) và Thông tư 38/2017/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2017 (“Thông tư 38”) đến ngày 15 tháng 9 năm 2019; và
- Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 (“Nghị định 67”) từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

Giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố. Phương pháp quy đổi được dựa vào các thông số khác nhau của hệ số quy đổi theo hướng dẫn tại Thông tư 38 và/hoặc Nghị định 67.

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản nếu nghĩa vụ về đóng cửa và phục hồi môi trường là không thể tránh khỏi đối với việc xây dựng tài sản. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

(iii) Trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí là các khoản phúc lợi cho nhân viên khi nghỉ hưu và được phân loại thành Quỹ với mức đóng góp xác định hoặc Quỹ với mức trợ cấp xác định.

Theo quỹ với mức đóng góp xác định, Tập đoàn sẽ phải đóng góp một khoản tiền cố định vào một quỹ riêng. Nhân viên sẽ nhận được khoản tiền trợ cấp hưu trí trong tương lai dựa trên số tiền đã đóng góp và thu nhập mang lại từ việc đầu tư của quỹ riêng này. Tập đoàn không có nghĩa vụ pháp lý hay nghĩa vụ liên đới phải chi trả thêm khoản đóng góp nào nếu quỹ đó không có đủ tài sản để chi trả cho tất cả nhân viên khoản trợ cấp liên quan đến thời gian làm việc của nhân viên trong kỳ hiện tại và các kỳ trước đó. Các khoản đóng góp của Tập đoàn cho quỹ với mức đóng góp xác định sẽ được ghi nhận là chi phí trong kỳ được chi trả.

Theo quỹ với mức trợ cấp xác định, nhân viên sẽ nhận được một khoản trợ cấp hưu trí xác định khi nghỉ hưu, khoản trợ cấp này thường phụ thuộc vào một hoặc nhiều yếu tố như tuổi tác, số năm làm việc và lương thường tại thời điểm nghỉ hưu. Dự phòng phải trả cho quỹ với mức trợ cấp xác định được xác định bằng giá trị hiện tại của nghĩa vụ với mức trợ cấp xác định tại ngày bảng cân đối kế toán. Nghĩa vụ với mức trợ cấp xác định được tính toán hàng năm bởi các chuyên gia độc lập. Giá trị hiện tại của nghĩa vụ với mức trợ cấp xác định được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền phải trả ước tính trong tương lai sử dụng lãi suất của trái phiếu doanh nghiệp chất lượng cao AA với thời hạn tương tự thời hạn phải trả các khoản trợ cấp này, thể hiện bằng đơn vị tiền tệ mà khoản trợ cấp sẽ được thanh toán. Việc xác định nghĩa vụ với mức trợ cấp xác định còn bao gồm ước tính dòng tiền tương lai, tỷ lệ nghỉ việc của nhân viên, tỷ lệ tử vong và tỷ lệ tăng lương trong tương lai.

Cho mục đích báo cáo giữa niên độ, nghĩa vụ với mức trợ cấp xác định được ước tính bằng cách sử dụng báo cáo dự báo cho cả năm bởi chuyên gia độc lập, sử dụng các giả định tương tự các giả định được sử dụng trong báo cáo năm trước.

(o) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Vốn chủ sở hữu

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu này hưởng cổ tức cố định, đồng thời vẫn có quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ phiếu phổ thông và quyền bình đẳng đối với các tài sản còn lại của Công ty. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu ưu đãi được ghi nhận như một khoản giảm thặng dư vốn.

(iii) Vốn khác của chủ sở hữu

Các biến động vốn chủ sở hữu do việc mua hoặc thanh lý cổ phần cho cổ đông không kiểm soát và các giao dịch liên quan đến công cụ vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào “Vốn khác của chủ sở hữu” trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, ngày áp dụng phi hồi tố của Thông tư 202 (Thuyết minh 3(a)(iii)).

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán hàng năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 đến 180 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

(ii) Doanh thu từ dịch vụ gia công thu phí

Dịch vụ gia công thu phí được Tập đoàn cung cấp cho các khách hàng trong ngành bột kim loại. Với dịch vụ này, khách hàng giao vật liệu đã qua sử dụng hoặc phế liệu kim loại cho Tập đoàn để tái chế lại thành thành phẩm – bột kim loại. Doanh thu từ dịch vụ gia công thu phí – phí gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm, nếu có, trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được xác định bằng kết quả kinh doanh trong năm phân bổ cho số lượng cổ phiếu phổ thông và các công cụ chứng khoán vốn. Phương thức phân bổ này dựa trên quyền được phân chia lợi nhuận của các loại cổ phiếu khác nếu toàn bộ lợi nhuận hoặc lỗ được phân chia.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và vùng địa lý theo thứ tự tương ứng.

(x) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán được thực hiện tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tập đoàn không có các khoản mục bất thường nào có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn và Công ty

Ngày 9 tháng 6 năm 2020, Công ty TNHH Vonfram Masan – một công ty con mua lại 100% cổ phần của H.C. Starck Holding (Germany) GmbH (“HCS”). HCS có 11 công ty con hoạt động chủ yếu tại Đức, Mỹ, Canada, Trung Quốc và Nhật Bản và một công ty liên kết tại Trung Quốc. Chi tiết giao dịch hợp nhất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh 9.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	178.268.629	808.163.509	1.574.101.184	9.708.995	2.570.242.317
Lợi nhuận/(lỗ) gộp của bộ phận	(287.118.992)	510.132.789	(80.730.840)	(56.550.215)	85.732.742
Chi phí không phân bổ					(154.362.624)
Thu nhập từ hoạt động tài chính					508.554.779
Chi phí tài chính					(769.704.422)
Phần lỗ trong công ty liên kết					(232.098)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					(330.011.623)
Thu nhập khác					4.533.560
Chi phí khác					(22.771.219)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(44.397.976)
Lỗ thuần sau thuế					(392.647.258)



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	34.116.482	905.494.400	1.666.759.619	83.642.780	2.690.013.281
Lợi nhuận gộp của bộ phận	16.908.918	638.628.601	45.348.851	10.250.182	711.136.552
Chi phí không phân bổ					(99.784.857)
Thu nhập từ hoạt động tài chính					38.731.931
Chi phí tài chính					(639.758.071)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					10.325.555
Thu nhập khác					1.088.745
Chi phí khác					(11.882.093)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp					2.020.670
Lợi nhuận thuần sau thuế					1.552.877

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	967.205.234	918.165.259	10.768.750.062	1.218.707.520	13.872.828.075
Tài sản không phân bổ					22.358.638.871
Tổng tài sản					36.231.466.946
Tổng nợ phải trả					24.432.386.917
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	167.025.898	826.106.905	1.874.331.657	1.051.224.444	3.918.688.904
Tài sản không phân bổ					25.856.030.977
Tổng tài sản					29.774.719.881
Tổng nợ phải trả					17.304.897.615

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020					
Chi tiêu vốn của bộ phận	-	-	29.161.828	41.360.210	70.522.038
Chi tiêu vốn không phân bổ					1.012.456.863
Khấu hao tài sản cố định	6.850.044	34.255.854	64.776.397	43.567.033	149.449.328
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					458.977.586
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					102.866.614
<hr/>					
	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019					
Chi tiêu vốn của bộ phận	467.799	-	74.666.105	13.374.441	88.508.345
Chi tiêu vốn không phân bổ					470.606.414
Khấu hao tài sản cố định	6.974.668	36.392.813	59.201.376	47.534.763	150.103.620
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					460.581.831
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					90.987.209
<hr/>					

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động vùng địa lý như sau:

	Việt Nam Nghìn VND	Bi Nghìn VND	Đức Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND	Singapore Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020								
Doanh thu bán ra ngoài	14.638.118	995.256.290	286.542.346	300.546.140	157.555.351	-	815.704.072	2.570.242.317
Tài sản của bộ phận	31.099.235.091	326.220.672	3.567.349.202	229.322.413	195.112.688	-	814.226.880	36.231.466.946
Chi tiêu vốn	1.081.233.123	-	1.745.778	-	-	-	-	1.082.978.901

	Việt Nam Nghìn VND	Bi Nghìn VND	Cộng hòa Séc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND	Singapore Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019								
Doanh thu bán ra ngoài	40.676.292	1.096.568.876	127.792.831	509.571.537	177.796.138	92.691.909	644.915.698	2.690.013.281
Tài sản của bộ phận	28.161.440.218	574.534.441	128.264	46.839.922	40.122.547	6.559.873	189.198.796	29.018.824.061
Chi tiêu vốn	559.114.759	-	-	-	-	-	-	559.114.759

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hợp nhất kinh doanh

Ngày 9 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn mua lại 100% cổ phần của H.C. Starck Holding (Germany) GmbH (“HCS”). HCS là nhà sản xuất hàng đầu về bột kim loại vonfram kỹ thuật cao và vonfram cacbua (sản phẩm sơ cấp của vonfram) với 11 công ty con hoạt động tại Đức, Mỹ, Canada, Trung Quốc và Nhật Bản. Từ ngày mua đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 hoạt động kinh doanh được mua đã đóng góp 18,5 triệu EUR doanh thu (487 tỷ VND) và 1,5 triệu EUR lỗ (39,9 tỷ VND) vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua (*) Nghìn VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	940.189.999
Hàng tồn kho	1.687.580.763
Tài sản ngắn hạn khác	930.123.299
Tài sản cố định	1.830.767.733
Tài sản dài hạn khác	972.224.232
Nợ phải trả ngắn hạn	(1.291.778.643)
Nợ dài hạn	(6.011.838.240)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	50.738.370
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại	2.884.276.005
	<hr/>
Khoản thanh toán cho việc mua lại	1.992.283.518
	<hr/>
Khoản tiền thu được	(940.189.999)
	<hr/>
Khoản tiền thanh toán thuần	1.052.093.519
	<hr/>

(*) Kế toán cho giao dịch hợp nhất kinh doanh từ việc mua lại HCS được xác định tạm thời trong báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 sử dụng giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tại ngày mua do giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả này chưa được xác định. Các điều chỉnh sẽ được thực hiện khi việc xác định giá trị hợp lý được hoàn tất.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
Tiền mặt	43.069.887	90.493
Tiền gửi ngân hàng	595.916.223	941.356.463
Tiền đang chuyển	2.685.811	-
Các khoản tương đương tiền	5.400.000	781.757.650
	647.071.921	1.723.204.606

11. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	-	5.900.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	7.400.000	-
	7.400.000	5.900.000

(b) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 thể hiện khoản đầu tư vào Jiangwu H.C. Starck Tungsten Products Co. Ltd. – một công ty được thành lập tại Trung Quốc. Khoản đầu tư góp vốn này phát sinh từ việc Tập đoàn mua lại HCS được trình bày tại Thuyết minh 9. Tập đoàn có 30% lợi ích và quyền biểu quyết tại đơn vị này.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
<i>Các bên thứ ba</i>		
Khách hàng mua vonfram	691.775.407	185.752.001
Khách hàng mua fluorit	125.870.348	64.831.341
Khách hàng mua bismuth	1.978.794	1.941.870
Khách hàng mua đồng	15.168.796	27.744.460
Các khách hàng khác	175.420.150	144.151
	<hr/> 1.010.213.495	<hr/> 280.413.823 <hr/>

13. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan – công ty mẹ cấp cao nhất vay. Khoản cho vay không được đảm bảo, phải thu trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân và hưởng lãi suất 8,2%/năm.

14. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn		
Phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (a)	239.835.807	239.835.807
Thu nhập từ tiền lãi	13.787.750	1.833.157
Phải thu ngắn hạn khác	42.470.606	8.887.410
	<hr/> 296.094.163	<hr/> 250.556.374 <hr/>
Phải thu dài hạn		
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND Tỉnh Thái Nguyên (b)	1.238.220.016	1.249.999.696
Nộp tiền ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ Môi trường (c)	61.310.120	53.306.374
Phải thu dài hạn khác	562.828	562.828
	<hr/> 1.300.092.964	<hr/> 1.303.868.898 <hr/>

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (a) Phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thể hiện tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung của NPM – một công ty con cho năm 2018 và 2019 và phí hành chính liên quan mà NPM đã trả cho cơ quan có thẩm quyền dựa trên tính toán tạm thời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (“TCĐCKSVN”).

Ban Giám đốc tin rằng trong các năm trước Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải trả về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản dựa trên diễn giải của Công ty về quy định pháp luật liên quan, và do đó kế toán khoản tiền nộp thêm là khoản phải thu khác vì Ban Giám đốc đánh giá công ty con có thể yêu cầu hoàn lại khoản thanh toán này. NPM đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp để nêu rõ vấn đề và xin giải quyết phù hợp. Kết quả cuối cùng có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của một số cơ quan quản lý liên quan. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ, NPM chưa nhận được kết luận chính thức của các cơ quan có thẩm quyền.

- (b) Khoản phải thu dài hạn thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuê đất hàng năm trong các năm sau này.
- (c) NPM – một công ty con phải ký quỹ cho nghĩa vụ đóng cửa mỏ và nghĩa vụ phục hồi môi trường cho Quỹ Bảo vệ Môi trường. Theo Quyết định 1536/QĐ-BTNMT do BTNMT ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2019, kế hoạch phục hồi mỏ đòi hỏi phải tăng khoản ký quỹ lên 123.460 triệu VND. Cũng tại ngày này, khoản ký quỹ còn lại với số tiền là 87.692 triệu VND đã được phê duyệt cho trả góp hàng năm trong suốt thời gian 10 năm kể từ năm 2019. Đối với các lần ký quỹ trong tương lai, tiền ký quỹ trả góp sẽ bao gồm yếu tố trượt giá căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng hàng năm theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Hàng tồn kho

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Hàng mua đang đi trên đường	48.990.317	-	54.194.593	-
Nguyên vật liệu	868.806.216	(35.487.061)	237.723.007	-
Công cụ và dụng cụ	698.364.721	(6.071.883)	572.289.604	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	623.624.325	(6.187.879)	139.145.869	-
Thành phẩm	2.794.527.201	(221.589.213)	1.259.545.121	-
Hàng hóa	-	-	739.273.589	-
Hàng gửi đi bán	4.804.568	-	136.852.970	-
	5.039.117.348	(269.336.036)	3.139.024.753	-

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có 736.586 triệu VND hàng thành phẩm (1/1/2020: Không) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	4.930.775.651	11.821.423.653	42.227.092	16.186.948	5.095.926.136	21.906.539.480
Tăng trong kỳ	-	516.464	-	-	-	516.464
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.345.168.200	3.712.077.404	-	-	-	5.057.245.604
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 18)	19.639.573	597.899.874	-	-	-	617.539.447
Thanh lý	(13.624.715)	-	-	(807.551)	-	(14.432.266)
Biến động khác	(573.659)	(17.426.573)	-	-	-	(18.000.232)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	(45.945.515)	(126.444.226)	-	-	-	(172.389.741)
Số dư cuối kỳ	6.235.439.535	15.988.046.596	42.227.092	15.379.397	5.095.926.136	27.377.018.756
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.073.164.994	3.552.372.866	38.295.409	11.603.407	1.127.330.359	5.802.767.035
Khấu hao trong kỳ	145.279.358	332.031.376	853.710	1.085.165	105.666.382	584.915.991
Tăng do hợp nhất kinh doanh	586.645.146	2.819.693.718	-	-	-	3.406.338.864
Thanh lý	(4.365.915)	-	-	(807.551)	-	(5.173.466)
Biến động khác	-	(3.206.924)	-	-	-	(3.206.924)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	(20.154.896)	(96.297.443)	-	-	-	(116.452.339)
Số dư cuối kỳ	1.780.568.687	6.604.593.593	39.149.119	11.881.021	1.232.996.741	9.669.189.161
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	3.857.610.657	8.269.050.787	3.931.683	4.583.541	3.968.595.777	16.103.772.445
Số dư cuối kỳ	4.454.870.848	9.383.453.003	3.077.973	3.498.376	3.862.929.395	17.707.829.595

Trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 49.244 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 49,896 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 11.101 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM (1/1/2020: 10.977 tỷ VND) (Thuyết minh 24(b)).

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Tài sản cố định vô hình

	Đất Nghìn VND	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Chi phí triển khai Nghìn VND	Tài sản cố định vô hình khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	-	108.309.899	588.370.818	-	-	696.680.717
Tăng do hợp nhất kinh doanh	34.934.066	285.147.100	-	69.507.179	15.302.068	404.890.413
Tăng trong kỳ	-	13.094	-	1.350.261	-	1.363.355
Biến động khác	-	-	-	-	(1.381.217)	(1.381.217)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	(1.193.542)	(9.742.509)	-	(2.405.177)	(491.681)	(13.832.909)
Số dư cuối kỳ	33.740.524	383.727.584	588.370.818	68.452.263	13.429.170	1.087.720.359
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	-	73.423.648	158.120.358	-	-	231.544.006
Khấu hao trong kỳ	-	6.620.487	15.275.164	1.588.229	27.043	23.510.923
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	280.834.624	-	53.616.472	1.504.709	335.955.805
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	-	(9.601.709)	-	(1.867.624)	(52.021)	(11.521.354)
Số dư cuối kỳ	-	351.277.050	173.395.522	53.337.077	1.479.731	579.489.380
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	-	34.886.251	430.250.460	-	-	465.136.711
Số dư cuối kỳ	33.740.524	32.450.534	414.975.296	15.115.186	11.949.439	508.230.979

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 15.291 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 15.291 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 444 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM (1/1/2020: 465 tỷ VND) (Thuyết minh 24(b)).

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	1.694.487.259	1.429.178.901
Tăng trong kỳ	255.156.238	415.909.775
Tăng do hợp nhất kinh doanh	110.926.385	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 16)	(617.539.447)	(123.863.331)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(7.041.169)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 19)	(2.145.438)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(6.184.662)	(1.079.587)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	(3.829.199)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.430.871.136	1.713.104.589

Trong kỳ, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang trị giá 20 tỷ VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 26 tỷ VND).

Tại ngày báo cáo, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của NPM chủ yếu phản ánh chi phí đền bù đất, chi phí phát triển mỏ và nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến các đập chứa đuôi quặng, được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM (Thuyết minh 24(b)).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
Đền bù đất	731.346.937	709.194.565
Giải phóng mặt bằng, di dời cơ sở hạ tầng và các chi phí khác	201.477.694	196.250.365
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	140.485.767	608.943.655
Các đập chứa đuôi quặng	119.567.183	30.254.309
Các tài sản khác	237.993.555	149.844.365
	<hr/>	<hr/>
	1.430.871.136	1.694.487.259

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	1.006.778.004	1.563.054.219	56.026.360	2.625.858.583
Tăng trong kỳ	-	42.600.359	86.368.334	128.968.693
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 18)	-	-	2.145.438	2.145.438
Chuyển từ phải thu dài hạn	11.779.680	-	-	11.779.680
Phân bổ trong kỳ	(37.124.290)	(54.355.686)	(11.386.638)	(102.866.614)
Số dư cuối kỳ	981.433.394	1.551.298.892	133.153.494	2.665.885.780

20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
<i>Các bên thứ ba</i>		
Người mua trả tiền trước từ bán đồng (*)	554.103.036	97.167
Người mua trả tiền trước từ bán fluorit (*)	532.511.459	1.073.439.647
Các khách hàng khác	3.702.717	32.066.532
	1.090.317.212	1.105.603.346

(*) Khoản trả tiền trước từ bán fluorit và đồng được trừ hàng tháng thông qua các lần giao hàng sau đó. Khoản trả tiền trước chịu phí trả trước dựa theo điều khoản thỏa thuận. Khoản trả tiền trước từ bán fluorit được công ty mẹ trực tiếp bảo lãnh.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 Nghìn VND	Tăng do hợp nhất kinh doanh Nghìn VND	Số phải nộp trong năm Nghìn VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm Nghìn VND	Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ Nghìn VND	30/6/2020 Nghìn VND
Thuế phải nộp Nhà nước Việt Nam						
Thuế giá trị gia tăng	-	-	179.489.804	(179.489.804)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	215.084.869	(215.084.869)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	134.400.473	-	43.181.691	(103.497.073)	-	74.085.091
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	18.089.097	(18.089.097)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	63.044.211	-	90.009.698	(126.326.847)	-	26.727.062
Thuế tài nguyên	-	-	180.656.383	(180.656.383)	-	-
Các loại thuế khác	2.276.799	-	7.894.803	(9.317.850)	-	853.752
	199.721.483	-	734.406.345	(832.461.923)	-	101.665.905
Thuế phải nộp cơ quan thuế nước ngoài						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	92.822.629	3.545.271	(4.202.221)	310.409	92.476.088
Các loại thuế khác	-	89.618.145	24.875.773	(6.664.165)	592.571	108.422.324
	-	182.440.774	28.421.044	(10.866.386)	902.980	200.898.412
	199.721.483	182.440.774	762.827.389	(843.328.309)	902.980	302.564.317

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền thưởng	-	59.959.470
Tiền lãi vay phải trả	226.528.810	239.049.922
Chi phí tài chính khác	10.751.589	4.181.514
Thuế và phí tài nguyên	21.210.623	71.039.152
Chi phí xây dựng phải trả	37.871.421	14.187.389
Phí tư vấn	10.037.145	983.850
Chi phí hoạt động	432.820.931	314.119.079
Chi phí phải trả khác	1.380.829	1.380.830
	<hr/>	<hr/>
	740.601.348	704.901.206
	<hr/>	<hr/>

23. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Ngắn hạn:		
Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất		
Chi phí tài chính – ngắn hạn (a)	244.123.839	1.124.123.839
Phải trả cho Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (“MH”) – công ty mẹ trực tiếp		
Phi thương mại – ngắn hạn (b)	2.511.785	2.511.785
Phải trả khác cho các bên khác		
Phải trả khác – ngắn hạn	73.309.978	339.972
	<hr/>	<hr/>
	319.945.602	1.126.975.596
	<hr/>	<hr/>
Dài hạn:		
Phải trả các bên khác		
Phải trả khác – dài hạn	458.983	-
	<hr/>	<hr/>

- (a) Theo thỏa thuận với MSN – công ty mẹ cấp cao nhất, các khoản này không được đảm bảo, không chịu lãi và sẽ được thanh toán trong tháng 12 năm 2020.
- (b) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Biến động trong năm Thanh toán Nghìn VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND	30/6/2020 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) Nghìn VND
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	3.188.857.080	5.146.868.508	(4.676.434.393)	(1.647.482)	3.657.643.713
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24(b))	4.568.426.661	27.312.927	(1.612.000.000)	-	2.983.739.588
	7.757.283.741	5.174.181.435	(6.288.434.393)	(1.647.482)	6.641.383.301

(*) Xem Thuyết minh 2(c) thông tin về các giả định hoạt động liên tục có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	30/6/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	USD	779.366.498	864.314.359
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	VND	422.646.000	150.308.000
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	VND	922.449.530	1.082.810.380
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	USD	-	15.908.877
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iii)	USD	458.489.616	164.877.248
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iii)	VND	268.800.000	504.905.811
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iv)	VND	90.291.000	150.245.000
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iv)	USD	4.544.670	-
Khoản vay ngân hàng không được đảm bảo (v)	VND	47.435.266	57.915.778
Khoản vay ngân hàng không được đảm bảo (v)	USD	246.325.485	155.757.627
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (vi)	USD	191.295.648	41.814.000
Khoản vay từ một bên liên quan (vii)	VND	226.000.000	-
		3.657.643.713	3.188.857.080

- (i) Khoản vay bằng USD và VND từ một bên liên quan chịu lãi suất lần lượt là từ 3,45% đến 4,46% một năm và từ 8,95% đến 9,52% một năm (1/1/2020: 3,88% - 4,93% và 8,95% - 9,47%). Khoản vay được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của NPM và 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty do Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (“MH”) nắm giữ.
- (ii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của NPM. Khoản vay bằng VND chịu lãi suất trong khoảng 7,3% đến 7,5% một năm (1/1/2020: 6,8% - 9,5%).
- (iii) Các khoản vay cụ thể USD và VND bởi MTC – một công ty con, chịu lãi suất tương ứng trong khoảng từ 5,6% đến 6,1% một năm và từ 8,36% đến 9,3% một năm (1/1/2020: 5% - 6,3% và 8,3% - 9,6%).
- (iv) Các khoản vay cụ thể USD và VND bởi NPM - công ty con chịu lãi suất trong tương ứng là 6,1% và từ 9,2% đến 9,5% một năm (1/1/2020: 4,5% - 4,6% và 6,8%).
- Các khoản vay trên trong mục a(iii) và a(iv) từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty do MH nắm giữ.
- (v) Khoản vay từ hai chi nhánh của một ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam bởi MTC – một công ty con, không được đảm bảo. Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD và VND chịu lãi suất tương ứng trong khoảng từ 3,5% đến 4,57% một năm và từ 5,5% đến 6,8% một năm (1/1/2020: 4,5% - 4,6% và 6,8%).
- (vi) Khoản vay bằng USD từ một ngân hàng nước ngoài được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn và toàn bộ tài khoản ngân hàng của MTC mở tại ngân hàng này. Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD chịu lãi suất từ 2,22% đến 4,0% một năm (1/1/2020: 3,3% - 3,9%).
- (vii) Khoản vay từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan – công ty mẹ cấp cao nhất của MTC – một công ty con. Khoản vay không được đảm bảo và chịu lãi suất 8,2% một năm.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn (i)	10.136.945.165	9.538.080.318
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 24(a))	(2.983.739.588)	(4.568.426.661)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	7.153.205.577	4.969.653.657
	<hr/>	<hr/>

(i) Trái phiếu dài hạn

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

		Năm đáo	30/6/2020	1/1/2020
		hạn	Nghìn VND	Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(a)	2020	2.983.739.588	3.570.177.119
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(b)	2020	-	998.249.542
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(c)	2023	497.409.324	496.989.214
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(d)	2021	996.888.889	995.555.556
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(e)	2023	1.492.000.000	1.490.800.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(f)	2024	496.764.715	496.533.333
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(g)	2022	298.452.690	298.133.333
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(h)	2022	198.921.571	198.711.110
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(i)	2024	496.933.333	496.533.333
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(j)	2022	99.335.406	99.288.889
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(k)	2022	188.737.272	188.648.889
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(l)	2022	208.714.734	208.460.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(m)	2023	1.576.191.238	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(n)	2023	602.856.405	-
			<hr/>	<hr/>
			10.136.945.165	9.538.080.318
			<hr/>	<hr/>

Giá trị phát hành trái phiếu có đảm bảo này ở cấp Tập đoàn được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

- (a) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 8% trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi ba tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được NPM sử dụng và được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của NPM. (Thuyết minh 16, Thuyết minh 17 và Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (b) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn hai (2) năm và chịu lãi suất 9,5% một năm. Trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ tại ngày lập báo cáo tài chính.
- (c) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,22% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.
- (d) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 9,8% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,58% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.
- (e) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 15,65% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.
- (f) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 10,2% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,3%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,62% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.
- (g) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 3,37% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.
- (h) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 2,25% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 10,2% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,3%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,62% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.
- (j) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng một số cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH, sẽ được xác định trước ngày 31 tháng 8 năm 2020. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.
- (k) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng một số cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH, sẽ được xác định trước ngày 31 tháng 8 năm 2020. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.
- (l) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 2,75% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương.
- (m) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan – công ty mẹ cấp cao nhất.
- (n) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan – công ty mẹ cấp cao nhất.

Giá trị phát hành trái phiếu có đảm bảo này được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	30/6/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định (*)	30%	(314.470.074)	-
Dự phòng trợ cấp hưu trí phải trả (*)	30%	1.189.878.516	-
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	30%	50.605.500	-
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		926.013.942	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất	15%	567.677.954	583.078.428
Lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	10% - 15%	18.397.684	3.900.260
Tài sản cố định	30%	296.509	-
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		586.372.147	586.978.688

(*) Các khoản này chủ yếu phát sinh từ H.C. Starck GmbH, Germany – một công ty con. Công ty con này bù trừ các khoản mục này do công ty có quyền hợp pháp được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành với nợ thuế thu nhập hiện hành phải trả, và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản thuế thu nhập được áp bởi cùng một cơ quan quản lý thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

(b) Biến động các chênh lệch tạm thời trong kỳ

	1/1/2020 Nghìn VND	Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 9) Nghìn VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Nghìn VND	Được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu Nghìn VND	30/6/2020 Nghìn VND
Trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất	(583.078.428)	-	15.400.474	-	(567.677.954)
Lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	(3.900.260)	-	(14.497.424)	-	(18.397.684)
Tài sản cố định	-	(325.768.268)	(195.004)	11.196.689	(314.766.583)
Dự phòng trợ cấp hưu trí	-	1.231.930.197	238.387	(42.290.068)	1.189.878.516
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	-	50.996.410	1.382.553	(1.773.463)	50.605.500
	(586.978.688)	957.158.339	2.328.986	(32.866.842)	339.641.795

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh các năm trước của một số đơn vị trong Tập đoàn, các khoản lỗ tính thuế này có thể được chuyển sang năm sau trong khoảng thời gian đến 5 năm:

	Số lỗ được khấu trừ	
	30/6/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Lỗ tính thuế lũy kế 5 năm	135.634.621	111.479.349

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ (*)
		Nghìn VND
2020	Chưa quyết toán	123.788
2021	Chưa quyết toán	73.773
2022	Chưa quyết toán	87.944
2023	Chưa quyết toán	252.923
2024	Chưa quyết toán	110.940.921
2025	Chưa quyết toán	24.155.272
		135.634.621

(*) Khoản này chưa được quyết toán với cơ quan thuế và có thể có thay đổi tùy thuộc kết quả kiểm tra và thanh tra của cơ quan thuế.

26. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Khôi phục	Quyền	Quỹ hưu trí và	Tổng cộng
	hiện trường	khai thác	phụ cấp khác	
	Nghìn VND	khoáng sản	Nghìn VND	Nghìn VND
Số dư đầu năm	99.121.941	429.781.166	-	528.903.107
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	6.010.996.282	6.010.996.282
Dự phòng lập trong năm	2.339.278	16.806.529	6.032.665	25.178.472
Dự phòng sử dụng trong năm	-	-	(19.154.635)	(19.154.635)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	20.558.695	20.558.695
Số dư cuối năm	101.461.219	446.587.695	6.018.433.007	6.566.481.921

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Vốn khác của chủ sở hữu Nghìn VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Nghìn VND	Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư tại ngày 1/1/2019	8.993.091.220	145.709.384	(295.683.347)	-	3.282.836.988	12.125.954.245	-	12.125.954.245
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	1.552.877	1.552.877	-	1.552.877
Biến động khác	-	-	-	-	(8.525.794)	(8.525.794)	-	(8.525.794)
Số dư tại ngày 30/6/2019	8.993.091.220	145.709.384	(295.683.347)	-	3.275.864.071	12.118.981.328	-	12.118.981.328
Số dư tại ngày 1/1/2020	9.892.398.780	145.709.384	(295.683.347)	-	2.727.397.449	12.469.822.266	-	12.469.822.266
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	(389.411.407)	(389.411.407)	(3.235.851)	(392.647.258)
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 9)	-	-	-	-	-	-	(50.738.370)	(50.738.370)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(225.970.714)	-	(225.970.714)	(1.385.895)	(227.356.609)
Số dư tại ngày 30/6/2020	9.892.398.780	145.709.384	(295.683.347)	(225.970.714)	2.337.986.042	11.854.440.145	(55.360.116)	11.799.080.029

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	Ngàn VND
Vốn cổ phần được duyệt	989.239.878	9.892.398.780
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	989.239.878	9.892.398.780
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	989.239.878	9.892.398.780
Thặng dư vốn cổ phần	-	145.709.384

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	Ngàn VND	Ngàn VND
Trong vòng một năm	1.020.800	2.145.000
Trong vòng hai đến năm năm	17.817.414	-
	18.838.214	2.145.000

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	10.598.972	245.111.828	30.746.796	710.558.466
EUR	4.714.712	121.284.612	-	-
JPY	286.426.978	61.068.332	-	-

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/6/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	21.507.965	21.507.965

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	171.521.791	1.040.288
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	109.954.988	14.594.996
	281.476.779	15.635.284

(e) Điều chỉnh giá bán chính thức

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(r), Tập đoàn có các cam kết theo các hợp đồng mua bán nhằm điều chỉnh giá bán sản phẩm dựa trên giá thị trường niêm yết trong tương lai tại London Metal Bulletin (“LMB”) tại ngày có giá chính thức đã thỏa thuận. Doanh thu tạm tính được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu tại ngày giao dịch. Doanh thu sẽ được điều chỉnh tại ngày có giá chính thức sau ngày kết thúc kế toán năm.

Không có khoản doanh thu nào được ghi nhận trên cơ sở giá tạm tính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 301 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế xuất khẩu.

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND
Lãi từ hoạt động tài chính	32.630.596	4.207.843
Lãi chênh lệch tỷ giá	69.419.037	34.524.088
Phí quyền chọn mua	406.473.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	32.146	-
	<hr/>	<hr/>
	508.554.779	38.731.931

32. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND
Chi phí lãi vay	572.959.440	525.485.658
Chi phí đi vay	40.835.796	38.917.073
Lỗ chênh lệch tỷ giá	88.681.875	40.027.739
Chi phí tài chính khác	67.227.311	35.327.601
	<hr/>	<hr/>
	769.704.422	639.758.071

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	50.952.291	7.609.136
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm/kỳ trước	(4.225.329)	4.116.758
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(2.328.986)	(13.746.564)
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp	44.397.976	(2.020.670)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND
Lỗ trước thuế	(348.249.282)	(467.793)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(69.649.857)	(93.559)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.128.577	709.975
Ưu đãi thuế	-	(10.991.558)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	24.567.911	(7.468.193)
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(152.894)
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm/kỳ trước	(4.225.329)	4.116.758
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	2.588.907	4.518
Biến động chênh lệch tạm thời	89.987.767	11.854.283
	44.397.976	(2.020.670)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo quy định hiện hành. Các công ty con của Công ty được hưởng các ưu đãi thuế khác nhau, theo đó các công ty con này được hưởng thêm các miễn giảm thuế như sau:

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- MTC – một công ty con được hưởng các ưu đãi thuế áp dụng cho dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.
- NPM – một công ty con được hưởng các ưu đãi thuế áp dụng cho hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đối với các sản phẩm khoáng sản không phải vàng tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Tất cả các ưu đãi về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp nêu trên sẽ không áp dụng với thu nhập khác, thu nhập khác sẽ chịu mức thuế suất 20%.

HCS và phần lớn các công ty con của HSC có trụ sở tại Đức. Các công ty có trụ sở tại Đức có hình thức pháp lý là công ty cổ phần phải chịu mức thuế doanh nghiệp 15% cộng với khoản phụ thu thuế với mức 5,5% (phụ thu thuế đoàn kết cộng đồng – solidarity surcharge). Do đó, tổng thuế suất phải nộp là 15,825%. Các công ty này cũng phải nộp thuế Thương mại (Trade tax), bằng thuế suất cơ bản (uniform tax rate) 3,5 % (mức thuế cơ sở) cộng mức thuế suất địa phương tùy thuộc vào vị trí của trụ sở công ty.

(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể khiến cho rủi ro về thuế tại Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc tin rằng, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế Việt Nam, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được dựa trên số lỗ phân bổ cho cổ đông phổ thông là 389.411 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 1.553 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 989.239.878 cổ phiếu (điều chỉnh lại cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 989.239.878 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông

	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về: Cổ đông phổ thông	(389.411.407)	1.552.877

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền

	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 (điều chỉnh lại)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	989.239.878	899.309.122
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng ngày 18 tháng 11 năm 2019	-	89.930.756
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ	989.239.878	989.239.878

(c) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất và công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ số lượng trái phiếu đã phát hành của Tập đoàn tương đương với 2.828.724 triệu VND (1/1/2020: 107.047 triệu VND) và không (1/1/2020: 1.889.990 triệu VND).

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Lãi trái phiếu	-	75.498.134
	Khoản vay nhận được	2.181.000.000	-
	Khoản vay đã trả	1.955.000.000	-
	Chi phí lãi vay	4.622.104	-
	Cho vay	823.753.425	-
	Thu hồi khoản cho vay	1.224.273.973	-
	Thu nhập lãi cho vay	29.513.777	-
Bên liên quan của công ty mẹ cấp cao nhất			
Ngân hàng trong nước	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	61.596.993	34.794.217
	Khoản vay nhận được	1.063.348.235	1.100.596.299
	Khoản vay đã trả	876.331.036	1.067.228.184
	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (i)	2.217.065.211	1.500.000.000
	Tiền mua lại trái phiếu	38.823.600	-
Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Mua hàng hóa	762.982	746.609
	Mua dịch vụ	1.626.659	1.254.522
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (ii)	21.671.653	19.858.265
Hội đồng Thành viên (“HĐTV”)			
Thành viên HĐTV	Mua hàng hóa từ một công ty liên quan của một thành viên (iii)	-	725.041.695

- (i) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo một thỏa thuận thu xếp giao dịch.
- (ii) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.
- (iii) Trong năm 2018, NPM – một công ty con của Tập đoàn bán hàng hóa cho một công ty liên quan của một thành viên của HĐTV và sau đó, năm 2019, NPM mua lại những hàng hóa này từ công ty liên quan đó. Giao dịch mua lại đã được HĐTV phê duyệt vào ngày 25 tháng 3 năm 2019.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

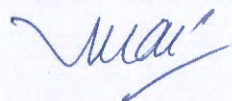
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, và số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

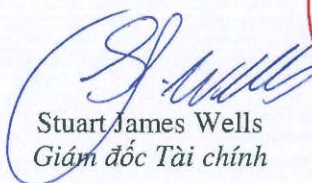
Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:



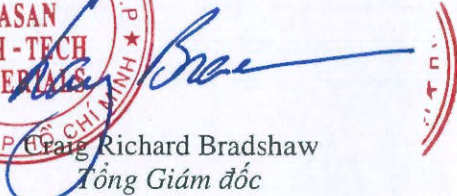
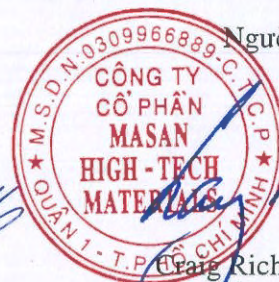
Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc